

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

HÀ THỊ MIỀN

**HOÀN THIỆN HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG ĐẦU TƯ TẠI
CHI NHÁNH NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN KON TUM**

Chuyên ngành: Tài chính - Ngân hàng

Mã số: 60.34.20

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ KINH DOANH

Đà Nẵng - Năm 2012

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: **GS.TS. TRƯƠNG BÁ THANH**

Phản biện 1: **TS. NGUYỄN HOÀ NHÂN**

Phản biện 2: **TS. NGUYỄN HỮU DŨNG**

Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị kinh doanh họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 03 tháng 02 năm 2013

** Có thể tìm hiểu luận văn tại:*

- Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học kinh tế, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Sự cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Tín dụng đầu tư là hoạt động nhằm tạo ra các nguồn lực, tài sản mới cho nền kinh tế và xã hội. Hoạt động tín dụng đầu tư thông qua Ngân hàng Phát triển Việt Nam được thực hiện theo những mục tiêu cụ thể trong từng thời kỳ, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế, đầu tư xã hội của đất nước. Đây là công cụ quan trọng của Nhà nước trong điều tiết nền kinh tế vĩ mô. Chính vì vậy, chính sách tín dụng đầu tư (TDĐT) luôn được sửa đổi, bổ sung nhằm tạo môi trường thuận lợi khuyến khích sự phát triển của các thành phần kinh tế đầu tư sản xuất, kinh doanh. Đến nay, khi Việt Nam đã chính thức trở thành thành viên thứ 150 của tổ chức thương mại thế giới (WTO), lộ trình thực hiện các cam kết hội nhập của Việt Nam càng có tác động mạnh mẽ đến hoạt động TDĐT. TDĐT hiện nay, không chỉ góp phần phát triển kinh tế - xã hội đối với một quốc gia, vùng lãnh thổ, tạo việc làm cho người lao động, mà còn góp phần không nhỏ vào tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu, tạo cân bằng cán cân thương mại, góp phần vào việc kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, tăng trưởng GDP ở mức hợp lý, bảo đảm an sinh xã hội.

Hoạt động TDĐT của Ngân hàng Phát triển Việt Nam cũng như tại Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Kon Tum trong 6 năm qua, ngoài những mặt lợi ích đạt được thì cũng còn bộc lộ nhiều tồn tại về cơ chế chính sách, quy trình cho vay, tài sản đảm bảo, quản lý, giám sát tiền vay...

Việc tập trung nghiên cứu thực tế hoạt động tín dụng đầu tư của Nhà nước tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam nói chung, Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Kon Tum nói riêng; đồng thời kết hợp với nghiên cứu kinh nghiệm thực hiện hoạt động tín dụng đầu tư tại một số nước trên thế giới để có các giải pháp, kiến nghị nhằm hoàn thiện và phát triển hoạt động này có ý nghĩa rất quan trọng và cần thiết. Đó là lý do tôi thực hiện đề tài: ***"Hoàn thiện hoạt động tín dụng đầu tư tại Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Kon Tum"***.

2. Mục tiêu nghiên cứu

- Hệ thống hóa vai trò của tín dụng đầu tư Nhà nước đối với việc

thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhà, của ngành.

- Phân tích, đánh giá thực trạng hoạt động tín dụng đầu tư ở Chi nhánh NHPT Kon Tum giai đoạn 2006 - 2011, tìm ra nguyên nhân của những hạn chế, từ đó đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện hoạt động TĐĐT Nhà nước tại Chi nhánh NHPT Kon Tum đến năm 2015.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu của đề tài: Hoạt động TĐĐT của Nhà nước, tổ chức thực hiện, chính sách TĐĐT tại NHPT Việt Nam.

- Phạm vi nghiên cứu: Hoạt động TĐĐT tại Chi nhánh NHPT Kon Tum từ năm 2006 đến năm 2011 (trừ hoạt động Bảo lãnh đầu tư vì nghiệp vụ này chưa phát sinh ở Chi nhánh NHPT Kon Tum và cho vay đối với các dự án thực hiện theo Hiệp định của Chính phủ).

4. Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình nghiên cứu, phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử được sử dụng, kết hợp với các phương pháp khác như phương pháp thống kê, phương pháp so sánh, tổng hợp, phân tích để rút ra kết luận của vấn đề đang xem xét.

5. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Lý luận cơ bản về tín dụng đầu tư tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

Chương 2: Thực trạng hoạt động tín dụng đầu tư tại Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Kon Tum.

Chương 3: Giải pháp hoàn thiện hoạt động tín dụng đầu tư tại Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Kon Tum.

CHƯƠNG 1 - LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TÍN DỤNG ĐẦU TƯ TẠI NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

1.1. LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TÍN DỤNG ĐẦU TƯ

1.1.1. Đầu tư phát triển và nguồn vốn cho đầu tư

* **Đầu tư phát triển:** Là quá trình thực hiện sự chuyên hóa vốn bằng tiền thành vốn sản xuất nhằm tạo ra sản phẩm mới cho nền kinh tế, làm tăng tiềm lực cho sản xuất kinh doanh và mọi hoạt động xã hội khác.

Đầu tư phát triển có những đặc điểm khác so với các hình thức đầu tư khác như đầu tư tài chính, đầu tư thương mại... thể hiện ở mục tiêu, thời gian, thành quả của hoạt động đầu tư.

* **Nguồn vốn cho dự án đầu tư**

Nguồn vốn đầu tư được huy động từ nhiều nguồn như: NSNN, vốn tự có của chủ đầu tư, nguồn vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước, nguồn vốn từ khu vực tư nhân, nguồn vốn tín dụng từ các NHTM,... Trong đó, vốn TDĐT là một trong những nguồn chủ yếu.

1.1.2. Khái niệm tín dụng đầu tư

Trong đề tài này có thể hiểu: *Tín dụng đầu tư là một hình thức tín dụng Nhà nước nhằm thực hiện mục tiêu đầu tư cho phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, đó là quan hệ vay - trả giữa Nhà nước và các pháp nhân, thể nhân trong xã hội, được Nhà nước quy định với các cơ chế ưu đãi nhất định, nhằm thực hiện mục tiêu thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển theo định hướng của Nhà nước.*

1.1.3. Đặc điểm của tín dụng đầu tư

Thứ nhất, Hoạt động TDĐT không vì mục đích lợi nhuận.

Thứ hai, Nguồn vốn cấp TDĐT thuộc nguồn vốn tín dụng Nhà nước được Chính phủ bố trí kế hoạch.

Thứ ba, TDĐT của Nhà nước là tín dụng ưu đãi nhằm hỗ trợ về mặt tài chính cho các tổ chức kinh tế.

Thứ tư, đối tượng cấp TDĐT của Nhà nước được chọn lọc và hạn chế.

Thứ năm, hình thức tín dụng đầu tư của Nhà nước không chỉ là hoạt

động cho vay mà còn thực hiện một số hoạt động tín dụng gián tiếp khác như hỗ trợ sau đầu tư và bảo lãnh tín dụng đầu tư.

1.1.4. Vai trò của tín dụng đầu tư

- Tín dụng đầu tư của Nhà nước góp phần điều chỉnh cơ cấu kinh tế
- Tín dụng đầu tư của Nhà nước nâng cao hiệu quả đầu tư, xóa bỏ cấp về đầu tư.
- Tín dụng đầu tư của Nhà nước giúp các doanh nghiệp mở rộng đầu tư đổi mới công nghệ, phát triển sản xuất kinh doanh.
- Tín dụng đầu tư của Nhà nước góp phần tạo việc làm cho người lao động, giữ vững an ninh chính trị, ổn định trật tự xã hội.

1.2. HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG ĐẦU TƯ CỦA NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

1.2.1. Ngân hàng Phát triển - tổ chức thực hiện TĐĐT của Nhà nước

Với đặc điểm quan trọng là một công cụ nhằm thực hiện các mục tiêu phát triển KT - XH của Nhà nước, TĐĐT của Nhà nước được giao cho một tổ chức cụ thể để triển khai nhằm đảm bảo sự quản lý, giám sát và thực thi một cách có hiệu quả để đạt được mục tiêu đề ra. Đa số các nước trên thế giới đều thành lập một tổ chức độc lập, hoạt động như một trung gian tài chính để thực hiện nhiệm vụ này với tên gọi phổ biến là "Ngân hàng Phát triển".

Ở Việt Nam nguồn vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước được giao cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam quản lý. Chức năng, nhiệm vụ cũng như hoạt động tín dụng đầu tư tại NHPT Việt Nam như thế nào sẽ được trình bày cụ thể ở những phần sau.

1.2.2. Hoạt động tín dụng đầu tư tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam

Cũng như hoạt động tín dụng nói chung, tín dụng đầu tư bao gồm 2 mặt hoạt động: hoạt động huy động nguồn vốn và hoạt động sử dụng vốn.

a. Hoạt động huy động vốn

*** Nguyên tắc huy động vốn TĐĐT**

Nguyên tắc bảo đảm cân đối tài chính tiền tệ quốc gia.

Nguyên tắc cân đối thời hạn huy động nguồn vốn..

Nguyên tắc xác định lãi suất huy động vốn.

*** Các hình thức huy động vốn**

Huy động vốn dưới hình thức phát hành trái phiếu của Chính phủ.

Huy động vốn thông qua vay nợ, viện trợ của nước ngoài.

Từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước.

Từ nguồn vốn thu hồi nợ hàng năm.

Huy động vốn thông qua việc đi vay các Quỹ.

Huy động vốn thông qua nguồn vốn nhận ủy thác của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

a. Hoạt động sử dụng nguồn vốn

*** Nguyên tắc quản lý sử dụng nguồn vốn**

- Sử dụng nguồn vốn phải đúng mục tiêu đã định và tiến độ đầu tư của dự án.

- Quản lý và sử dụng nguồn vốn phải đảm bảo việc truy hoàn trả nguồn vốn tín dụng.

- Lãi suất cho vay phải linh hoạt nhưng phải thấp hơn thị trường.

- Phải đảm bảo bảo toàn và phát triển nguồn vốn TĐĐT.

*** Các hình thức sử dụng nguồn vốn**

Nguyên tắc của chính sách tín dụng đầu tư

- Hỗ trợ cho những dự án đầu tư có khả năng thu hồi vốn trực tiếp thuộc một số ngành, lĩnh vực quan trọng, chương trình kinh tế lớn có hiệu quả kinh tế - xã hội, bảo đảm hoàn trả được vốn vay.

- Một dự án có thể đồng thời được hỗ trợ theo nhiều hình thức.

- Chủ đầu tư phải sử dụng vốn vay đúng mục đích; trả nợ đúng theo HĐTD đã ký; thực hiện đầy đủ các cam kết trong hợp đồng.

- Dự án đầu tư phải được Ngân hàng Phát triển Việt Nam thẩm định trước khi quyết định đầu tư.

Tín dụng đầu tư của Nhà nước bao gồm các hình thức:

Cho vay đầu tư: Cho vay đầu tư là một hình thức tín dụng đầu tư của Nhà nước truyền thống, nguồn vốn tín dụng nhà nước trực tiếp tham gia vào hoạt động đầu tư phát triển. Ưu điểm của hình thức tín dụng này là

có khả năng thực hiện quản lý, giám sát nguồn vốn chặt chẽ ở các khâu trước và trong khi cho vay. Tuy nhiên, thực hiện việc cho vay đầu tư thì phải luôn có sẵn nguồn vốn theo tiến độ thực hiện dự án đầu tư.

Hỗ trợ sau đầu tư: Hỗ trợ sau đầu tư là việc Nhà nước sử dụng một phần NSNN dành cho đầu tư phát triển để hỗ trợ một phần lãi suất cho chủ đầu tư vay vốn của các tổ chức tín dụng để đầu tư vào các dự án nằm trong danh mục điều tiết của Nhà nước, sau khi dự án hoàn thành đưa vào sử dụng và trả được nợ vay.

Bảo lãnh tín dụng đầu tư: Bảo lãnh tín dụng đầu tư là hình thức tín dụng đầu tư gián tiếp, ở đó cơ quan quản lý tín dụng đầu tư của Nhà nước với uy tín và nguồn vốn của mình thực hiện việc bảo lãnh cho các nhu cầu vay vốn đầu tư nằm trong danh mục điều tiết kinh tế của Nhà nước.

1.2.3. Quy trình cấp tín dụng đầu tư của NHPT Việt Nam

1.2.4. Rủi ro trong hoạt động tín dụng đầu tư tại NHPT Việt Nam

a. Khái niệm rủi ro TDĐT

Với phạm vi nghiên cứu là hoạt động TDĐT của Nhà nước tại NHPT Việt Nam, thì khái niệm rủi ro được hiểu là khả năng xảy ra tổn thất do người vay, người được bảo lãnh không thực hiện, hoặc không có khả năng thực hiện nghĩa vụ của mình theo điều khoản đã cam kết với NHPT.

b. Quản lý rủi ro tín dụng đầu tư

NHPT Việt nam thực hiện quản lý rủi ro TDĐT xuất phát từ những lý do sau:

Thứ nhất, xuất phát từ đặc tính rủi ro của hoạt động đầu tư.

Thứ hai, xuất phát từ yêu cầu về bảo toàn vốn, nâng cao năng lực tự chủ tài chính.

Thứ ba, xuất phát từ nguy cơ xảy ra rủi ro TDĐT của Nhà nước cao

1.3. NỘI DUNG HOÀN THIỆN HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG ĐẦU TƯ

1.3.1. Quan niệm về hoàn thiện hoạt động tín dụng đầu tư

Quan niệm về hoàn thiện hoạt động tín dụng đầu tư được thể hiện trên các phương diện cơ bản sau:

Thứ nhất, nâng cao chất lượng tín dụng đầu tư.

Thứ hai, hạn chế thấp nhất rủi ro tín dụng đầu tư nhằm bảo toàn nguồn vốn.

Thứ ba, bảo đảm qui mô tín dụng đầu tư phù hợp với yêu cầu của từng giai đoạn phát triển KT – XH.

3.2. CÁC NỘI DUNG CƠ BẢN PHẢN ẢNH SỰ HOÀN THIỆN HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG ĐẦU TƯ

** Chính sách tín dụng đầu tư phù hợp.*

Chính sách TĐĐT phù hợp và có tính ổn định tương đối, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế từng miền, vùng là tiền đề để hoạt động TĐĐT phát huy hiệu quả.

** Quy trình tín dụng đầu tư chặt chẽ.*

Việc xây dựng qui trình tín dụng chặt chẽ sẽ có tác dụng sau:

+ Dựa trên qui trình, ngân hàng sẽ xây dựng được bộ máy phù hợp. Nhiệm vụ của các bộ phận được xác định rõ ràng.

+ Qui trình được cụ thể hóa thành sổ tay nghiệp vụ, là cẩm nang tài liệu để đào tạo cho nhân viên ngân hàng.

+ Qui trình tín dụng là cơ sở để kiểm soát tất cả các khâu trong hoạt động TĐĐT.

** Mô hình tổ chức thực hiện tín dụng đầu tư phù hợp.*

Một tổ chức thực hiện hoạt động nhip nhàng, có sự phối hợp chặt chẽ sẽ đẩy nhanh tiến độ công việc, khách hàng gặp thuận lợi trong giao dịch.

** Hệ thống kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro về hoạt động tín dụng đầu tư phát huy hiệu quả.*

Hệ thống kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro hoạt động TĐĐT được thể hiện trong các nội dung như chu trình xét duyệt, giám sát tín dụng ngăn ngừa được rủi ro; cách thu thập dữ liệu liên quan đến hoạt động tín dụng; ngăn ngừa được thất thoát vốn...

1.3.3. Các nhân tố ảnh hưởng tới hoạt động TĐĐT

a. Nhân tố thuộc về Ngân hàng Phát triển

- Tổ chức bộ máy thực hiện chức năng, nhiệm vụ; Quy trình thực hiện nghiệp vụ; Cơ sở vật chất, nguồn vốn có khả năng để thực hiện được

nghiệp vụ; Nguồn nhân lực thực hiện các nghiệp vụ.

b. Nhân tố bên ngoài Ngân hàng Phát triển

- Cơ chế, chính sách của quốc gia đó về TĐĐT; Năng lực nội tại của chủ đầu tư nhận tài trợ vốn TĐĐT; Môi trường và rủi ro kinh doanh của quốc gia trong từng giai đoạn phát triển.

1.4. KINH NGHIỆM VỀ HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG ĐẦU TƯ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM ĐỐI VỚI VIỆT NAM

Thông qua kinh nghiệm một số nước như: Đức, Nhật Bản, Trung Quốc, tác giả đã rút ra bài học kinh nghiệm đối với hoạt động TĐĐT ở Việt nam là:

- Một là, tín dụng ĐTPT của Nhà nước là đòi hỏi khách quan của nền kinh tế ở các nước đang phát triển.
- Hai là, các tổ chức thực hiện chính sách TĐĐT đều được tổ chức theo Luật hoặc sắc lệnh riêng, là tổ chức thuộc sở hữu của Chính phủ hoặc Chính phủ có cổ phần đa số và hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận.
- Ba là, nguồn vốn hoạt động ban đầu của các NHPT đều do Chính phủ cấp; vay chính phủ hoặc ngân hàng Trung ương.
- Bốn là, hình thức TĐĐT của Nhà nước được áp dụng rộng rãi và luôn được điều chỉnh trong mỗi thời kỳ.
- Năm là, về lãi suất, thời hạn cho vay được ưu đãi hơn so với tín dụng câu NHTM

CHƯƠNG 2 - THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG TĐĐT TẠI CHI NHÁNH NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN KON TUM

2.1. GIỚI THIỆU VỀ CHI NHÁNH NHPT KON TUM

2.1.1. Giới thiệu chung về NHPT Việt Nam

Chi nhánh NHPT Kon Tum là đơn vị trực thuộc NHPT Việt nam nên rất cần thiết giới thiệu khái quát về tổ chức và nhiệm vụ của NHPT Việt Nam.

a. Sự hình thành của NHPT Việt Nam

- Năm 1994 Chính phủ thành lập Tổng cục Đầu tư Phát triển vừa làm nhiệm vụ cấp phát vốn ngân sách vừa cho vay tín dụng ưu đãi của Nhà nước. Tuy nhiên, mô hình một cơ quan thực hiện 2 mục tiêu cấp phát vốn và cho vay đã không thực sự hiệu quả. Vì thế, năm 1999, Chính phủ thành lập Quỹ Hỗ trợ Phát triển (The Development Assistance Fund - DAF) là tổ chức được Chính phủ giao thực hiện nhiệm vụ tín dụng ưu đãi của Nhà nước.

- Khi Việt Nam chính thức gia nhập Tổ chức thương mại thế giới (WTO), Chính phủ đã thành lập NHPT Việt nam (năm 2006) để thích ứng với yêu cầu hội nhập quốc tế.

b. Khái quát hoạt động chủ yếu của Ngân hàng Phát triển Việt Nam

Hoạt động của NHPT được thực hiện theo Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 19/5/2006 của Chính phủ về thành lập Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

2.1.2. Giới thiệu chung về Chi nhánh NHPT Kon Tum

a. Sự ra đời của Chi nhánh

Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Kon Tum được thành lập theo Quyết định số 03/QĐ-NHPT ngày 01/07/2006 của Tổng giám đốc Ngân hàng Phát triển Việt Nam. Mọi hoạt động của Chi nhánh NHPT Kon Tum là trên cơ sở kế thừa toàn bộ hoạt động của Chi nhánh Quỹ Hỗ trợ Phát triển trước đây.

b. Thực trạng tổ chức bộ máy hoạt động của Chi nhánh NHPT Kon Tum

Bộ máy của Chi nhánh NHPT Kon Tum được tổ chức 6 phòng nghiệp vụ theo hướng dẫn chung của NHPT.

c. Chức năng nhiệm vụ của các bộ phận tác nghiệp

Chức năng nhiệm vụ cơ bản của các phòng tại Chi nhánh là:

- Phòng Tổng hợp: Thực hiện công tác kế hoạch hoá nguồn vốn, huy động, thực hiện chức năng thẩm định các dự án đầu tư.

- Phòng Tín dụng I: Đây là phòng thực hiện chức năng quan trọng của Chi nhánh về tín dụng đầu tư.

- Phòng Tín dụng II: Thực hiện về TĐXK.
- Phòng Tài chính - Kế toán: Tổ chức và quản lý công tác tài chính-kế toán tại Chi nhánh.
- Phòng Kiểm tra: Công tác kiểm tra và pháp chế của Chi nhánh.
- Phòng Hành chính - Quản lý nhân sự: Công tác tổ chức cán bộ, chính sách về tiền lương, hành chính.

2.2. THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG TĐĐT TẠI CHI NHÁNH NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN KON TUM

2.2.1. Chính sách hoạt động TĐĐT của NHPT Việt Nam

Chính sách tín dụng đầu tư tại Chi nhánh đều tuân thủ theo chính sách tín dụng đầu tư của Nhà nước qui định và được cụ thể hóa theo các văn bản hướng dẫn chi tiết của NHPT Việt Nam.

- Về đối tượng: Là các tổ chức kinh tế có dự án đầu tư thuộc Danh mục vay vốn TĐĐT qui định theo từng thời kỳ.

- Về điều kiện cho vay: Phải thuộc danh mục đối tượng vay vốn theo quy định; thực hiện thủ tục đầu tư theo quy định của pháp luật; chủ đầu tư phải có dự án, phương án sản xuất, kinh doanh hiệu quả, bảo đảm trả được nợ; đủ nguồn vốn để thực hiện dự án; bảo đảm tiền vay theo qui định; chủ đầu tư phải mua bảo hiểm tài sản đối với tài sản hình thành từ vốn vay thuộc đối tượng mua bảo hiểm bắt buộc trong suốt thời hạn vay vốn.

- Mức vốn cho vay: Đối với mỗi dự án tối đa bằng 70% tổng mức vốn đầu tư của dự án. Từ tháng 10/2011 phải đảm bảo thêm điều kiện là mức vốn vay cho một chủ đầu tư không được vượt quá 15% vốn điều lệ thực có của NHPT Việt Nam.

- Thời hạn cho vay: Được xác định theo khả năng thu hồi vốn của dự án và khả năng trả nợ của chủ đầu tư phù hợp với đặc điểm sản xuất, kinh doanh của dự án nhưng không quá 12 năm.

- Đồng tiền và lãi suất cho vay: Đồng tiền cho vay là đồng Việt Nam hoặc bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi đối với một số dự án có nhu cầu.

- Lãi suất vay vốn đầu tư bằng đồng Việt Nam bằng lãi suất trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 5 năm cộng 1%/năm. Từ tháng 10/2011, lãi suất

cho vay đầu tư không thấp hơn lãi suất bình quân các nguồn vốn cộng với phí hoạt động của NHPT Việt Nam.

- Bảo đảm tiền vay: chủ yếu bằng giá trị tài sản hình thành từ vốn vay (tài sản hình thành trong tương lai).

- Hỗ trợ sau đầu tư: đối tượng là các dự án trong danh mục được vay vốn TĐĐT; đã hoàn thành đưa vào sử dụng, có quyết định phê duyệt quyết toán của cơ quan có thẩm quyền và đã trả được nợ vay; mức hỗ trợ trên cơ sở chênh lệch giữa lãi suất vay vốn đầu tư của các tổ chức tín dụng và lãi suất vay vốn TĐĐT của nhà nước.

2.2.2. Quy trình cấp TĐĐT tại Chi nhánh Kon Tum

Chi nhánh Kon Tum chưa có văn bản chính thức nào ban hành về qui trình cấp TĐĐT mà chỉ thực hiện dựa trên phân công nhiệm vụ và sở tay nghiệp vụ của NHPT Việt Nam. Qua thực tế đã và đang thực hiện tại Chi nhánh, có thể tóm tắt thành các bước như sau:

Bước 1: Hướng dẫn và tiếp nhận hồ sơ.

Bước 2: Phân tích tín dụng.

Bước 3: Quyết định tài trợ.

Bước 4: Giải ngân.

Bước 5: Giám sát, thu hồi và thanh lý hợp đồng.

2.2.3. Thực trạng hoạt động TĐĐT tại Chi nhánh NHPT Kon Tum

a. Huy động vốn

- Về số dư huy động:

Số liệu thống kê hàng năm:

Bảng 2.1 và 2.2: Số dư huy động vốn và phân theo kỳ hạn

Đơn vị: Tỷ đồng

Nội dung	Năm kế hoạch						
	2006	2007	2008	2009	2010	2011	Bình quân
Số dư huy động BQ	101	77	69	109	134	110	100
- Không kỳ hạn	58	32	12	9	12	15	23

- Có kỳ hạn	43	45	57	100	122	95	77
Kế hoạch giao	71	80	70	67	91		
Đạt KH giao	142,3%	96,3%	98,6%	162,7%	147,3%		

Nguồn vốn huy động của Chi nhánh trong các năm qua đã hoàn thành vượt mức kế hoạch NHPT Việt Nam giao. Tuy nhiên nếu so sánh với số dư huy động vốn trên địa bàn thì có thể nói là thấp.

- Về kỳ hạn huy động: Về mặt số dư vốn huy động, Chi nhánh đã ngày càng nâng cao tỷ lệ huy động có kỳ hạn. Nhưng nếu phân tích kỹ hơn thì thực tế Chi nhánh chỉ có duy nhất 02 hợp đồng tiền gửi là có kỳ hạn 5 năm và 10 năm và đến năm 2014 là đến hạn phải thanh lý. Từ năm 2004 đến nay, Chi nhánh hầu như không có thêm hợp đồng huy động dài hạn

b. Hoạt động cho vay đầu tư

**** Tình hình cho vay, thu nợ***

Tình hình cho vay, thu nợ vốn TĐĐT từ năm 2006 đến năm 2011 được thể hiện cụ thể như sau:

- Về tình hình dư nợ: Đến nay, Chi nhánh NHPT đang quản lý cho vay 30 dự án với số vốn theo HĐTD là 4.248 tỷ đồng. Dư nợ của Chi nhánh qua các năm đều tăng và chiếm tỷ trọng chủ yếu trong tổng dư nợ của Chi nhánh.

Bảng 2.3: Tình hình dư nợ cho vay TĐĐT

Đơn vị: Tỷ đồng

Nội dung	Năm kế hoạch						Bình quân
	2006	2007	2008	2009	2010	2011	
Số dư nợ TĐĐT	1.018	1.077	1.134	1.206	1.474	1.421	1.222
Tổng dư nợ CN	1.092	1.275	1.472	1.542	1.849	1.824	1.509
Chiếm tỷ lệ (%)	93.2	84.5	77.0	78.2	79.7	77.9	80,95%
Tốc độ tăng dư nợ		105.8	105.3	106.3	122.2	96.4	

Dư nợ TĐĐT của Chi nhánh chiếm tỷ trọng khá cao so với tổng dư trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

- Về tình hình cho vay, thu nợ:

Doanh số cho vay qua các năm đều tăng, riêng năm 2007 và 2011 giảm là do thay đổi chính sách hoặc do NHPT chưa cân đối được nguồn vốn. Giai đoạn năm 2006 - 2011, Chi nhánh hầu như đạt kế hoạch thu nợ rất cao, doanh số thu nợ có chiều hướng tăng lên. Tuy nhiên, doanh số thu nợ cao hay thấp còn tùy thuộc vào HĐTD đã ký, chưa thể khẳng định chất lượng hoạt động TĐĐT tốt hay xấu. Thật vậy, từ năm 2006 - 2009, Chi nhánh luôn luôn thu nợ đạt trên 100% kế hoạch giao, nhưng đến năm 2010 và 2011 tỷ lệ thu nợ thực hiện so với kế hoạch giao đã có chiều hướng giảm. Năm 2010 chỉ đạt 95.02% và năm 2011 chỉ đạt 94.42%. Đó là chưa kể đến một số dự án đang trong quá trình xử lý nợ, Chi nhánh được NHPT đồng ý không tính vào kế hoạch thu nợ năm.

- Về chấp thuận cho vay các dự án mới: Số lượng dự án chấp thuận cho vay năm nhiều, năm ít không có tính qui luật. Trong 6 năm, Chi nhánh đã chấp thuận cho vay 19 dự án với tổng số vốn ký hợp đồng tín dụng là 2.153 tỷ đồng. Mức vốn vay trên dự án có xu hướng tăng lên qua các năm cũng phản ánh qui mô hoạt động TĐĐT đang được cải thiện.

*** Cơ cấu cho vay TĐĐT theo ngành kinh tế**

Dư nợ cho vay vốn TĐĐT tài trợ cho các dự án đầu tư chiếm tỷ trọng 46,7% tổng dư nợ vay của Chi nhánh vào cuối năm 2011.

Phân theo cơ cấu ngành vốn TĐĐT giải ngân: Vốn được đầu tư vào lĩnh vực nông lâm nghiệp - thủy sản 34,27%, công nghiệp xây dựng 55,88%, thương mại dịch vụ 9,85%... theo đúng hướng phát triển cơ cấu kinh tế địa bàn Kon Tum.

*** Tình hình nợ quá hạn, nợ xấu**

- Tình hình nợ quá hạn giai đoạn năm 2006 - 2011

Tỷ lệ nợ quá hạn của Chi nhánh cao nhất là vào năm 2006 chiếm tỷ lệ 4.27% so với tổng dư nợ. Nợ quá hạn chủ yếu rơi vào các dự án trồng cà phê đang chờ xử lý nợ, các dự án quốc lộ có nguồn trả nợ từ ngân sách, dự án may thêu xuất khẩu và dự án nhà máy bột giấy Kon Tum.

- *Nợ quá hạn phân theo ngành kinh tế:* Thời gian qua, ngành thương mại chưa có nợ quá hạn. Từ năm 2006 - 2008 tỷ lệ nợ quá hạn trong ngành công nghiệp xây dựng tương đối cao nhưng sang năm 2009 thì nợ quá hạn của nông lâm nghiệp lại chiếm chủ yếu. Sở dĩ có sự chuyển đổi này là do trong năm 2009 đã bàn giao một số dự án có nợ quá hạn cao về Sở Giao dịch I.

c. Hoạt động hỗ trợ sau đầu tư

Trong giai đoạn năm 2006 - 2011, Chi nhánh NHPT Kon Tum đã ký hợp đồng HTSĐT cho 9 dự án với số vốn đã ký hợp đồng hỗ trợ cho các dự án là 24.308 triệu đồng, nâng tổng số dự án được hỗ trợ theo hình thức này từ năm 2000 đến nay lên 30 dự án với số vốn đã ký hợp đồng hỗ trợ là 25.146 triệu đồng. Số vốn HTSĐT thực cấp trong giai đoạn 2006 - 2011 là 6.966 triệu đồng. Tuy nhiên, trong năm 2010 và năm 2011 Chi nhánh không có dự án nào tăng thêm.

2.3. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG TDĐT TẠI CHI NHÁNH NHPT KON TUM

2.3.1. Kết quả đạt được

Kết quả hoạt động TDĐT tại Chi nhánh NHPT Kon Tum thời gian qua đạt ở mức cao cả về doanh số và chất lượng. Cụ thể:

- *Là một ngân hàng có quy mô, vị trí đứng hàng đầu trên địa bàn tỉnh trong lĩnh vực ĐTPT và là một Chi nhánh có quy mô hoạt động tương đối lớn trong hệ thống.*

- *Vốn TDĐT của Chi nhánh đã tham gia tài trợ hầu hết các dự án kinh tế lớn (nhóm A, nhóm B) và các dự án tạo nhiều công ăn việc làm có quy mô rộng.*

- *Tham gia phát triển cơ sở hạ tầng đô thị, nông thôn, cơ sở hạ tầng kinh tế thông qua nguồn vốn TDĐT.*

- *Đi đôi với tăng trưởng quy mô là chất lượng tín dụng đầu tư không ngừng tăng lên.*

- *Hình thức hỗ trợ sau đầu tư đã cung ứng một số “vốn môi”, từ đó thu hút được một lượng vốn lớn của các tổ chức tín dụng cho đầu tư phát triển.*

2.3.2. Những hạn chế, khó khăn, vướng mắc

- Quy mô tín dụng đầu tư chưa tương xứng, chất lượng tín dụng chưa cao.

- Tiềm ẩn rủi ro TĐĐT ngày càng cao.
- Về công tác thẩm định vay vốn chưa đạt yêu cầu ở một số mặt.
- Công tác kiểm tra, giám sát dự án, khoản vay chưa thực sự tốt.
- Công tác bố trí, đào tạo cán bộ chưa thật sự hợp lý.
- Công tác marketing còn hạn chế.
- Công tác huy động vốn chưa khai thác hết tiềm lực sẵn có.

2.3.3. Nguyên nhân

a. Nguyên nhân chủ quan

* Năng lực thẩm định dự án của Chi nhánh còn hạn chế
 * Công tác quản lý rủi ro, kiểm tra giám sát vốn TĐĐT còn nhiều bất cập

* Việc theo dõi, quản lý, đánh giá tài sản đảm bảo tiền vay còn yếu kém

* Chi nhánh chưa chủ động trong xử lý rủi ro
 * Hệ thống quản trị rủi ro chưa được hình thành đồng bộ, công nghệ thông tin chưa đáp ứng yêu cầu

* Việc kiểm tra, kiểm soát nội bộ chưa chặt chẽ

b. Nguyên nhân khách quan

* Nhóm nguyên nhân từ chính sách TĐĐT của Nhà nước

* Nhóm nguyên nhân từ phía NHPT Việt Nam

Phương pháp điều hành; hướng dẫn nghiệp vụ..

* Nhóm nguyên nhân từ phía khách hàng

- Thông tin về doanh nghiệp không đầy đủ và chính xác.
- Doanh nghiệp vay vốn không có đủ tài sản thế chấp.
- Năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp còn thấp.

CHƯƠNG 3 - GIẢI PHÁP HOÀN THIÊN HOẠT ĐỘNG TĐĐT TẠI CHI NHÁNH NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN KON TUM

3.1. NHỮNG CĂN CỨ CHỦ YẾU ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP

3.1.1. Định hướng phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Kon Tum và vai trò của Chi nhánh đối với việc phát triển kinh tế - xã hội tỉnh

a. Định hướng phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Kon Tum

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Kon Tum lần thứ XIV và Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội tỉnh Kon Tum 2011 - 2015 xác định mục tiêu: “Quyết tâm xây dựng tỉnh Kon Tum ổn định, sớm thoát nghèo, phát triển nhanh và bền vững”.

b. Vai trò của Chi nhánh NHPT Kon Tum

Là một ngân hàng thực hiện chính sách TĐĐT và TDXK, bảo lãnh doanh nghiệp trên địa bàn, trên cơ sở danh mục đối tượng vay vốn, bảo lãnh theo quy định, danh mục các chương trình, dự án kêu gọi vốn đầu tư giai đoạn 2011 - 2015 của tỉnh.

3.1.2. Định hướng phát triển hoạt động của NHPT Việt Nam

- Hoạt động của NHPT Việt Nam theo sát chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; tập trung vốn cho đầu tư các chương trình, dự án phát triển nhằm góp phần chuyển đổi mạnh cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa, phát triển cơ sở hạ tầng KT - XH và nâng cao năng lực của nền kinh tế, thúc đẩy xuất khẩu các ngành hàng Việt Nam; hỗ trợ phát triển các vùng miền.

Phương châm hoạt động của NHPT là: An toàn hiệu quả - Hội nhập quốc tế - Phát triển bền vững

3.1.3. Cơ hội, thách thức hoạt động TĐĐT của NHPT Việt Nam

* **Cơ hội:** Mở rộng quan hệ hợp tác với các tổ chức tín dụng trong nước và quốc tế; đa dạng hóa các loại hình tín dụng đầu tư phù hợp với sự phát triển chung của thế giới trong xu thế hội nhập vào nền kinh tế thế giới; chủ động trong việc thực hiện các nghiệp vụ chuyên môn.

* **Thách thức:** Chính sách TĐĐT chịu tác động và phải tuân thủ theo các quy định của WTO và các tổ chức khác mà Việt Nam đã tham

gia; hoạt động của NHPT không vì mục đích lợi nhuận nhưng phải dựa trên nguyên tắc bảo đảm an toàn nguồn vốn vay; cơ chế tài chính của NHPT Việt Nam đang hướng dần đến tự chủ, giảm dần sự trợ cấp của ngân sách nhà nước nên hoạt động tín dụng phải gắn liền với sự cân đối nguồn vốn huy động.

3.1.4. Định hướng phát triển của Chi nhánh NHPT Kon Tum

Với phương châm hoạt động của NHPT Việt Nam đã xác định: "An toàn hiệu quả - Hội nhập quốc tế - Tăng trưởng bền vững", từ đó định hướng chiến lược đúng đắn xuyên suốt quá trình hoạt động của Chi nhánh, làm kim chỉ nam cho mọi hoạt động là việc làm mang tính đặt nền móng cho sự nghiệp phát triển.

3.1.5. Quan điểm khi xây dựng giải pháp hoàn thiện hoạt động TĐĐT tại Chi nhánh

- Các giải pháp được xây dựng phải phù hợp với định hướng phát triển của ngành, tỉnh Kon Tum và mục tiêu phát triển của Chi nhánh NHPT Kon Tum.

- Các giải pháp phải đảm bảo tính khả thi.
- Đảm bảo tính hội nhập
- Tính kinh tế: đảm bảo tối thiểu hoá chi phí cho hoạt động TĐĐT.
- Đảm bảo tính hiệu lực của các giải pháp.

3.2. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN HOẠT ĐỘNG TĐĐT

3.2.1. Giải pháp tăng cường huy động vốn cho hoạt động tín dụng đầu tư

Để nâng cao hiệu quả hoạt động TĐĐT, thiết thực hơn là nâng cao quỹ lương cho Chi nhánh, đòi hỏi Chi nhánh phải tăng cường huy động vốn. Một số giải pháp có thể áp dụng là:

- Tranh thủ sự ủng hộ của chính quyền địa phương các cấp để khai thác các nguồn vốn nhàn rỗi có nguồn gốc từ ngân sách.

- Tiếp tục khai thác có hiệu quả nguồn vốn bảo hành công trình, nguồn kinh phí tạm giữ chờ quyết toán công trình, nguồn vốn tự có tham gia dự án... của các dự án, chủ đầu tư vay vốn TĐĐT.

- Huy động vốn gắn liền với việc cung cấp dịch vụ thanh toán thông qua chủ đầu tư, khách hàng có quan hệ với Chi nhánh.

- Gắn huy động vốn với hiệu quả hoạt động của Chi nhánh. Có thể thực hiện cơ chế khoán đến các phòng, cá nhân trong Chi nhánh.

3.2.2. Xây dựng qui mô tăng trưởng tín dụng phù hợp với định hướng phát triển KT - XH tỉnh Kon Tum

- Tập trung vốn TĐĐT khai thác tiềm năng, thế mạnh của tỉnh.

- Hàng năm Chi nhánh NHPT Kon Tum tổ chức rà soát danh mục các chương trình kinh tế, các dự án đầu tư trên địa bàn có nhu cầu cấp TĐĐT nhằm tư vấn cho chủ đầu tư.

- Chủ động đề xuất với địa phương tháo gỡ những vướng mắc đang kéo dài nhiều năm, đặc biệt là liên quan đến lĩnh vực đất đai, đăng ký giao dịch bảo đảm... để tạo điều kiện cho doanh nghiệp tiếp cận vốn TĐĐT.

- Chủ động phối hợp với các ban ngành liên quan xác định các dự án trọng tâm và có hiệu quả để tập trung vốn đầu tư.

- Tăng cường công tác tuyên truyền quảng bá trên các phương tiện đại chúng như truyền hình, truyền thanh, báo chí...

- Định kỳ 6 tháng hoặc hàng năm, tổ chức hội nghị khách hàng để giới thiệu về chính sách TĐĐT của Nhà nước.

- Thông qua chính quyền địa phương và các Sở, Ban ngành có liên quan, các Hiệp hội nghề nghiệp để tuyên truyền chính sách TĐĐT của Nhà nước.

- Chủ động tìm kiếm thông tin về các chủ đầu tư, các dự án đầu tư.

3.2.3. Hoàn thiện công tác tổ chức, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thực hiện nhiệm vụ TĐĐT

*** Về công tác tổ chức**

- Thực hiện rà soát, xây dựng lại chức năng nhiệm vụ các phòng, giảm thiểu sự trùng lặp, chồng chéo cũng như bỏ sót về chức năng, nhiệm vụ.

- Đổi mới một bước việc xây dựng kế hoạch chương trình, kế hoạch công tác theo hướng trọng tâm, trọng điểm, phân tích làm rõ những tồn tại nổi cộm kéo dài, khắc phục tình trạng bỏ sót việc, quên việc.

- Nghiêm túc đánh giá lại vai trò người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu về trình độ, năng lực, tinh thần trách nhiệm công vụ và khả năng quy tụ;

- Coi trọng và đặt đúng tâm ý nghĩa của việc tự học tập và tổ chức học tập tại chỗ.

- Đội ngũ cán bộ cần được phân loại về kiến thức nghiệp vụ, trên cơ sở đó có phương pháp đào tạo trực tiếp những mảng nghiệp vụ còn yếu đối với từng cán bộ.

*** Về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực**

- Công tác tuyển dụng nhân sự phải được chú trọng đặc biệt. Xây dựng quy trình tuyển dụng công khai minh bạch. Tuyển dụng phải trên cơ sở đánh giá kỹ nhu cầu về nhân sự.

- Thường xuyên thực hiện đào tạo và đào tạo lại.

- Xây dựng phong trào tự học trong đội ngũ cán bộ nhân viên Chi nhánh.

- Thường xuyên tuyên truyền, giáo dục về đạo đức nghề nghiệp cho cán bộ làm nghiệp vụ.

- Thường xuyên đánh giá và công khai kết quả đánh giá trong các buổi họp toàn thể Chi nhánh.

3.2.4. Cải tiến quy trình cấp TĐĐT và công khai hóa quy trình

Chi nhánh cần thực hiện:

- Xây dựng quy trình cụ thể áp dụng cho Chi nhánh và phải có văn bản ban hành.

- Công khai hóa quy trình cấp TĐĐT đến tất cả đối tượng có liên quan.

- Quy trình tín dụng đầu tư phải đảm bảo được việc giám sát tất cả các khâu trong quá trình cấp TĐĐT.

Việc xây dựng quy trình có thể phân ra cho từng bộ phận chịu trách nhiệm cụ thể, trách nhiệm của cá nhân, phòng.

3.2.5. Nâng cao chất lượng công tác thẩm định dự án

Một là, nâng cao nhận thức về công tác thẩm định dự án.

Đổi mới về nhận thức cần phải coi trọng công tác thẩm định dự án

đầu tư là một thế mạnh trong cạnh tranh và hoạt động của Chi nhánh, coi đây là một trong những công việc góp phần nâng cao hiệu quả đầu tư, nâng cao uy tín của Chi nhánh và đồng thời hỗ trợ tối đa cho khách hàng nhằm thực hiện có hiệu quả dự án.

Hai là, thiết lập hệ thống thông tin và đảm bảo thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời cho công tác thẩm định dự án.

Ba là, nâng cao, bồi dưỡng kiến thức cho đội ngũ cán bộ thẩm định dự án đầu tư.

Cán bộ thẩm định phải có trình độ, có kiến thức cơ bản về KT - XH, về kinh tế thị trường, hoạt động tín dụng, tài chính doanh nghiệp, tài chính dự án, có khả năng tính toán, phân tích các chỉ tiêu kinh tế tài chính và khả năng trả nợ của dự án; am hiểu kiến thức, phương pháp thẩm định hiện đại để ứng dụng vào thực tế các dự án cụ thể.

Bốn là, đảm bảo tính độc lập trong công tác thẩm định dự án.

Muốn làm việc này cần thực hiện một số vấn đề chủ yếu là: Bản thân lãnh đạo Chi nhánh phải kiên định giữ vai trò độc lập khi xem xét thẩm định dự án đầu tư; Tránh sự can thiệp sâu của các cơ quan quản lý Nhà nước vào hoạt động chuyên môn của các đơn vị sản xuất kinh doanh.

Năm là, chuyên môn hoá công tác thẩm định dự án.

Kiên toàn bộ máy thẩm định; thí điểm áp dụng mô hình thẩm định rủi ro độc lập, định lượng các chỉ tiêu phi tài chính trong công tác thẩm định.

3.2.6. Giải pháp về tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hoạt động TDDT

a. Đổi mới một bước trong công tác kiểm tra, giám sát hoạt động TDDT

- Định kỳ hàng quý, cán bộ tín dụng phải yêu cầu chủ đầu tư gửi báo cáo tình hình tài chính, hàng năm chủ đầu tư phải gửi báo cáo tài chính đã qua kiểm toán làm để làm căn cứ đánh giá hoạt động của khách hàng vay vốn.

- Thường xuyên bám sát địa bàn hoạt động của khách hàng.

- Trong quá trình giám sát, nếu chủ đầu tư gặp khó khăn trong việc trả nợ, bản thân cán bộ tín dụng cần phải phân tích rõ nguyên nhân cụ thể và đề xuất biện pháp xử lý.

b. Phát huy vai trò của kiểm tra nội bộ

- Nâng cao nhận thức về vai trò của kiểm tra nội bộ.
- Công tác kiểm tra phải được quan tâm đúng mức.
- Cần phải có những cơ sở pháp lý qui định về chức năng, quyền hạn của cán bộ kiểm tra, giám sát tại Chi nhánh.

c. Tăng cường quản lý tài sản đảm bảo tiền vay

- Xây dựng phần mềm quản lý hồ sơ TSBĐ.
- Giá trị tài sản đảm bảo phải được thường xuyên kiểm kê, đánh giá lại.
- Cần kịp thời xử lý tài sản khi đã có sự chấp thuận của HSC.

3.2.7. Giải pháp phòng ngừa rủi ro tín dụng, tăng cường công tác xử lý nợ

* Về phòng ngừa và hạn chế nợ quá hạn

- Tuân thủ và thực hiện nghiêm túc quy chế, quy trình nghiệp vụ tín dụng và các văn bản hướng dẫn của NHPT Việt Nam.
- Thực hiện đầy đủ các quy định của Chính phủ; các văn bản hướng dẫn của NHPT Việt Nam về đảm bảo tiền vay TĐĐT.
- Tăng cường và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ tín dụng; bố trí, sắp xếp, sử dụng một cách hợp lý, có hiệu quả, áp dụng chế độ giao khoán, thưởng phạt nghiêm minh;
- Tăng cường và nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, kiểm soát đối với hoạt động tín dụng để sớm phát hiện, chấn chỉnh và kịp thời xử lý những sai phạm nhằm bảo đảm an toàn về vốn, tài sản.

- Giám sát chặt chẽ các khoản vay, có biện pháp xử lý linh hoạt.

* Về đẩy mạnh công tác thu hồi nợ và xử lý nợ của Chi nhánh NHPT Kon Tum

- Tăng cường công tác đôn đốc thu hồi nợ, đặc biệt là đối với các khoản nợ quá hạn.
- Khi phát hiện doanh nghiệp gặp khó khăn cần làm rõ nguyên nhân

và đề xuất các giải pháp xử lý khó khăn và yêu cầu chủ đầu tư triệt để áp dụng.

- Chi nhánh phải thành lập các tổ thu nợ để thực hiện nhiệm vụ thu nợ quá hạn.

- Xây dựng mối quan hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý các khoản nợ xấu, nợ quá hạn kéo dài,

- Đối với những khoản nợ quá hạn kéo dài thì cần sớm có biện pháp thanh lý để thu hồi vốn.

3.2.8. Một số giải pháp hỗ trợ khác

**** Về công tác tin học***

Cán bộ tin học cần được bổ sung thêm nhân lực cũng như trình độ để phục vụ cho việc cung cấp và lưu trữ thông tin về đầu tư, về giá cả thị trường, về tài chính doanh nghiệp... cho hoạt động TĐĐT một cách khoa học và nhanh nhất có thể.

**** Về công tác đánh giá, tổng kết rút kinh nghiệm***

Chi nhánh cần nhận thức đầy đủ vai trò của việc đánh giá, tổng kết rút ra bài học kinh nghiệm trong chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện công tác TĐĐT.

**** Về công tác thi đua, khen thưởng***

Cần có qui định rõ về mức độ khen thưởng đối với những cán bộ thẩm định dự án sát với thực tế, chất lượng thẩm định cao, cán bộ theo dõi, quản lý dự án tốt, không để xảy ra nợ quá hạn. Những sáng kiến áp dụng có hiệu quả trong quản lý hoạt động TĐĐT cũng cần có khen thưởng kịp thời, đích đáng.

3.3. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN HOẠT ĐỘNG TĐĐT

3.3.1. Kiến nghị với Chính phủ và các cơ quan quản lí có liên quan

a. Điều chỉnh cơ chế, chính sách TĐĐT của Nhà nước

- * Về đối tượng vay vốn:

- Có tính ổn định tương đối, ít nhất là 5 năm;

- Có tính đến đặc điểm của từng vùng miền.

* Về mức vốn cho vay: Vùng đặc biệt khó khăn có thể tăng lên khoảng 85% đến 90%.

* Về thời gian vay vốn:

Đề nghị điều chỉnh quy định cụ thể hơn cho phù hợp với đặc điểm từng loại hình dự án, trong đó chú ý đến thời gian ân hạn của dự án.

b. Về cơ chế xử lý rủi ro TĐĐT

+ Cần tăng cường tính chủ động, thẩm quyền của NHPT VN.

+ NHPT VN cần cải tiến cách trích lập DPRR theo hướng dẫn tại Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22/4/2005, Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN ngày 25 tháng 4 năm 2007 của Thống đốc NHNN Việt Nam.

c. Tạo điều kiện về nguồn vốn cho NHPT

Để đảm bảo nguồn vốn hoạt động cho NHPT. Chính phủ cần quan tâm bố trí nguồn vốn để thực hiện nhiệm vụ TĐĐT.

3.3.2. Kiến nghị với NHPT Việt Nam

a. Hoàn thiện hệ thống quy trình nghiệp vụ

Đề nghị NHPT khẩn trương sửa đổi, điều chỉnh, hoàn thiện, ban hành hệ thống quy chế, quy trình theo hướng nhanh gọn, không chồng chéo, gom thành các đầu mối nghiệp vụ và có tính ổn định tương đối.

b. Thực hiện phân cấp gắn với trách nhiệm

- Định kỳ hàng năm, căn cứ vào kết quả hoạt động của từng Chi nhánh để điều chỉnh mức phân cấp thẩm định, quyết định cho vay.

- Có quy định rõ ràng về trách nhiệm của người được phân cấp.

c. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ hoạt động TĐĐT

Xây dựng kho dữ liệu về hệ thống thông tin khách hàng, doanh nghiệp đảm bảo dễ khai thác, tiện ích.

d. Đẩy mạnh công tác marketing và chính sách khách hàng

- Làm tốt chính sách khách hàng.

- Xây dựng, quảng bá hình ảnh, tạo dựng thương hiệu của NHPT Việt Nam bằng cách thông qua thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao.

3.3.3. Một số kiến nghị đối với Chủ đầu tư

a. Chủ đầu tư phải có ý thức sử dụng vốn đúng mục đích, thực hiện tốt nghĩa vụ đã cam kết trong Hợp đồng tín dụng

b. Nâng cao năng lực quản lý thực hiện dự án

c. Nâng cao năng lực tài chính

3.3.4. Với chính quyền địa phương

- Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức chỉ đạo thực hiện có hiệu quả chủ trương nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh, kịp thời tháo gỡ những vướng mắc phát sinh, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư.

- Sở Kế hoạch-Đầu tư cần tăng cường hỗ trợ về xúc tiến thương mại cho doanh nghiệp, qua đó phổ biến cho các doanh nghiệp, nhà đầu tư cập nhật kịp thời những chính sách ưu đãi của Nhà nước, giúp cho họ nắm bắt các cơ hội về đầu tư.

KẾT LUẬN

Với mục tiêu nâng cao sự đóng góp của tín dụng đầu tư trên địa bàn cũng như việc nâng cao chất lượng hoạt động TĐĐT của Nhà nước tại Chi nhánh NHPT Kon Tum, từ đó nhằm hoàn thiện hoạt động tín dụng đầu tư phù hợp với quy định của NHPT Việt Nam, Nhà nước, theo thông lệ, chuẩn mực quốc tế, trong phạm vi của đề tài, luận văn đã trình bày một số nội dung:

Thứ nhất, lý luận cơ bản về hoạt động TĐĐT của Nhà nước, qua đó nhận thức được vai trò của TĐĐT đối với sự nghiệp phát triển kinh tế.

Thứ hai, phân tích thực trạng hoạt động TĐĐT tại Chi nhánh NHPT Kon Tum từ đó chỉ ra những kết quả đã đạt được, những hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế đó.

Cuối cùng, trên cơ sở phân tích thực trạng, những vấn đề còn tồn tại trong hoạt động TĐĐT gắn với những lý luận và kinh nghiệm quản lý của một số Quốc gia, luận văn đề xuất các giải pháp và kiến nghị nhằm hoàn thiện hoạt động TĐĐT tại Chi nhánh NHPT Kon Tum và NHPT Việt Nam.

Hy vọng rằng, những giải pháp đề xuất trong luận văn sẽ được Chi nhánh áp dụng trong thời gian tới./.